

LĐLĐ TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

Số: 65/CĐGD

V/v thông báo cấp trả nợ 0,9% kinh phí
Công đoàn năm 2013

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hòa Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2014

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học.

Căn cứ nguồn kinh phí do Liên đoàn Lao động tỉnh Hòa Bình cấp cho Công đoàn Giáo dục, Thường trực Công đoàn Giáo dục thông báo đến công đoàn các đơn vị, trường học nội dung sau:

1/ Công đoàn Giáo dục Hòa Bình đã cấp trả nợ 0,9% kinh phí hoạt động Công đoàn năm 2013, đề nghị công đoàn các đơn vị, trường học giao dịch tại Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố để rút kinh phí chi cho hoạt động công đoàn của đơn vị mình (*có danh sách thông báo và số liệu đính kèm*)

2/ Công đoàn Giáo dục Hòa Bình cấp kinh phí hoạt động công đoàn bằng tiền mặt cho những đơn vị cách xa trung tâm các huyện và những đơn vị có nguồn kinh phí ít (*có danh sách kèm theo*). Những đơn vị nhận kinh phí bằng tiền mặt về nhận kinh phí tại Thường trực Công đoàn ngành từ ngày **17/4/2014** (trước khi đi nhận tiền các đơn vị liên hệ trước với thường trực Công đoàn ngành theo số điện thoại: 0218.3854502)

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT CĐGDHB;
- Website ngành;
- Lưu VP, LTTH (08).

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

Hà Đức Hạnh

THÔNG BÁO
CẤP BỔ SUNG 0,9% KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN NĂM 2013

STT	TÊN ĐƠN VỊ	cấp quý I,II/2013	Cấp quý III,	Số cấp bù	Tổng cộng
1	Tr. PTDT Nội trú tỉnh	12,270,000	19,100,000	6,680,000	38,050,000
2	Tr. THPT Hoàng Văn Thụ	15,940,000	23,100,000	15,000,000	54,040,000
3	Tr. THPT Công nghiệp	10,970,000	16,100,000	9,800,000	36,870,000
4	VP Sở Giáo dục Đào tạo	8,970,000	13,300,000	6,780,000	29,050,000
5	Trung tâm GDTX TP	3,010,000	6,400,000	2,290,000	11,700,000
6	Trung tâm GDTX Tỉnh	2,690,000	3,700,000	2,020,000	8,410,000
7	Tr. THPT Lạc Long Quân	8,450,000	12,100,000	8,450,000	29,000,000
8	Tr. THPT Ngô Quyền	4,980,000	7,400,000	4,170,000	16,550,000
9	Tr. Cao đẳng Sư phạm	17,150,000	35,500,000	17,500,000	70,150,000
10	TT Ngoại ngữ - Tin học	2,380,000	3,300,000	2,170,000	7,850,000
11	TT Kỹ T TH hướng nghiệp	4,020,000		8,110,000	12,130,000
12	Tr.TH Kinh tế kỹ thuật	9,350,000	13,500,000	9,090,000	31,940,000
13	Tr. THPT Mường Bi	5,100,000	500,000	9,470,000	15,070,000
14	Tr. THPT Tân Lạc	7,160,000	8,600,000	9,380,000	25,140,000
15	Tr. THPT Đoàn Kết	4,430,000	7,100,000	4,374,000	15,904,000
16	Tr. THPT Lũng Vân	2,450,000		2,468,000	4,918,000
17	Tr. Dân tộc Nội trú Tân Lạc	4,260,000	8,600,000	1,990,000	14,850,000
18	TT GDTX Tân Lạc	2,100,000	3,800,000	2,600,000	8,500,000
19	Tr.THPT Nguyễn Trãi	5,520,000	2,600,000	8,988,000	17,108,000
20	TT GDTX Lương Sơn	3,710,000	1,300,000	5,490,000	10,500,000
21	Tr THPT Cù Chính Lan	8,640,000	20,700,000		29,340,000
22	Tr. THPT Nam Lương Sơn	12,970,000	800,000	4,790,000	18,560,000
23	TrTHPT Lương Sơn	7,590,000	8,000,000	4,540,000	20,130,000
24	Tr THPT Lạc Sơn	7,590,000	4,500,000	11,600,000	23,690,000
25	Tr.THPT Đại Đồng Lạc Sơn	5,510,000	4,800,000	8,090,000	18,400,000
26	Tr. THPT Quyết Thắng	4,240,000		5,120,000	9,360,000
27	Trường DT Nội trú Lạc Sơn	4,640,000	7,600,000	3,560,000	15,800,000
28	TT GXTX Lạc Sơn	2,880,000	3,700,000	2,580,000	9,160,000
29	Tr Cộng Hoà Lạc Sơn	6,460,000	9,500,000	1,600,000	17,560,000
30	TT GDTX Cao Phong	2,380,000	1,200,000	3,420,000	7,000,000
31	Tr THPT Cao Phong	6,900,000	2,500,000	5,760,000	15,160,000
32	Trường DT Nội trú Cao Phong	4,080,000	4,300,000	4,370,000	12,750,000
33	Tr. THPT Thạch Yên	2,800,000	4,800,000	2,570,000	10,170,000
34	Tr.Cấp III Phú Cường	2,950,000	8,400,000	8,500,000	19,850,000
35	TT GDTX Kỳ Sơn	2,600,000	1,500,000	5,350,000	9,450,000
36	Tr THPT Kỳ Sơn	7,700,000	5,100,000	7,360,000	20,160,000
37	TT GDTX Yên Thủy	2,080,000	3,700,000	1,920,000	7,700,000
38	Tr THPT Yên Thủy A	7,040,000	4,800,000	12,750,000	24,590,000
39	Tr. THPT Yên Thủy B	6,470,000	2,500,000	9,200,000	18,170,000
40	Tr.THPT Yên Thủy C	4,350,000	2,800,000	7,350,000	14,500,000
41	Tr.DTNT Yên Thủy	1,770,000	1,800,000	5,760,000	9,330,000
42	Tr THPT Lạc Thủy A	6,550,000	4,800,000		11,350,000
43	TrTHPT Lạc Thủy B	7,060,000	14,900,000		21,960,000

44	Tr THPT Lạc Thủy C	5,220,000	8,900,000	2,830,000	16,950,000
45	TT GDTX Lạc Thủy	2,900,000	10,200,000		13,100,000
46	Tr THPT Thanh Hà	4,570,000	15,700,000		20,270,000
47	Tr. DTNT Lạc Thủy	2,160,000	3,400,000	2,090,000	7,650,000
48	TT GDTX Kim Bôi	2,220,000	1,300,000	4,390,000	7,910,000
49	Trường THPT 19/5	7,650,000		15,250,000	22,900,000
50	Tr. Dân tộc Nội trú Kim Bôi	3,750,000	7,800,000	550,000	12,100,000
51	Tr THPT Sào Báy	4,040,000	3,400,000	7,880,000	15,320,000
52	Tr THPT Bắc Sơn	3,900,000	5,400,000	3,340,000	12,640,000
53	Tr. THPT Kim Bôi A	9,240,000	19,400,000		28,640,000
54	Tr. THPT Mai Châu	8,470,000	8,000,000	6,610,000	23,080,000
55	Tr. THPT Mai Châu B	2,930,000	5,700,000	3,050,000	11,680,000
56	Tr DTNT huyện Mai Châu	4,520,000	8,200,000	12,900,000	25,620,000
57	Tr DTNT Hang Kia Pà Cò	2,950,000	2,100,000	2,400,000	7,450,000
58	TT GDTX Mai Châu	2,690,000	3,100,000	6,160,000	11,950,000
59	Tr THPT Yên Hoà Đà Bắc	1,960,000	3,400,000	5,080,000	10,440,000
60	Tr THPT Đà Bắc	6,020,000	2,400,000	6,190,000	14,610,000
61	TT GDTX Đà Bắc	2,970,000	5,200,000	2,370,000	10,540,000
62	DTNT Liên xã Mường Chiềng	3,250,000	2,100,000	6,470,000	11,820,000
63	Tr DTNT Nội trú Đà Bắc	4,230,000	6,000,000	3,700,000	13,930,000
64	Tr THPT Mường Chiềng	4,200,000	3,100,000	10,430,000	17,730,000
	Cộng	350,000,000	433,500,000	354,700,000	1,138,200,000

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thúy Hương

Hòa Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2014

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Hà Đức Hạnh

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

DANH SÁCH CẤP TIỀN MẶT CHO ĐƠN VỊ NHẬN 0,9% KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN

STT	TÊN ĐƠN VỊ	cấp quý I,II/2013	Cấp quý III, IV/2013	Số cấp bù	Tổng cộng	Ký nhận
1	TT Kỹ T TH hướng nghiệp	4,020,000		8,110,000	12,130,000	
2	Tr. THPT Nam Lương Sơn	12,970,000	800,000	4,790,000	18,560,000	
3	Tr. THPT Đại Đồng Lạc Sơn	5,510,000	4,800,000	8,090,000	18,400,000	
4	Tr. THPT Quyết Thắng	4,240,000		5,120,000	9,360,000	
5	Tr Cộng Hoà Lạc Sơn	6,460,000	9,500,000	1,600,000	17,560,000	
6	Tr. Cấp III Phú Cường	2,950,000	8,400,000	8,500,000	19,850,000	
7	Tr. THPT Yên Thủy C	4,350,000	2,800,000	7,350,000	14,500,000	
8	Tr. DTNT Yên Thủy	1,770,000	1,800,000	5,760,000	9,330,000	
9	Tr THPT Lạc Thủy C	5,220,000	8,900,000	2,830,000	16,950,000	
10	Tr. Dân tộc Nội trú Kim Bôi	3,750,000	7,800,000	550,000	12,100,000	
11	Tr THPT Sào Báy	4,040,000	3,400,000	7,880,000	15,320,000	
12	Tr THPT Bắc Sơn	3,900,000	5,400,000	3,340,000	12,640,000	
13	Tr. THPT Mai Châu B	2,930,000	5,700,000	3,050,000	11,680,000	
14	Tr DTNT Hang Kia Pà Cò	2,950,000	2,100,000	2,400,000	7,450,000	
15	Tr THPT Yên Hoà Đà Bắc	1,960,000	3,400,000	5,080,000	10,440,000	
16	Tr THPT Đà Bắc	6,020,000	2,400,000	6,190,000	14,610,000	
17	DTNT Liên xã Mường Chiềng	3,250,000	2,100,000	6,470,000	11,820,000	
18	Tr THPT Mường Chiềng	4,200,000	3,100,000	10,430,000	17,730,000	
	Cộng	80,490,000	72,400,000	97,540,000	250,430,000	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thúy Hương

Hòa Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2014

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Hà Đức Hạnh